TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập -Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 71/2019/HS-PT
Ngày 14-10-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Minh Hạnh

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Thiệm

Ông Nguyễn Văn Dương

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Đức Hưng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Hoa Đào - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 50/2019/TLPT-HS ngày 06 tháng 8 năm 2019 đối với bị cáo Lưu Văn H cùng đồng bọn do có kháng cáo của bị cáo và kháng cáo của người đại diện hợp pháp của người bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 50/2019/TLPT-HS ngày 06 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng.

Bị cáo kháng cáo và bị kháng cáo: Lưu Văn H, sinh năm 1995 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn T, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lưu Văn Tuyên và bà Lưu Thị P; có vợ là Nguyễn Thị Minh N và chưa có con; tiền án: Không, tiền sự và nhân thân: Ngày 26 tháng 9 năm 2018, Công an huyện A xử phạt hành chính phạt tiền bị cáo Lưu Văn H 3.500.000 đồng về hành vi Cố ý làm hư hỏng tài sản của người khác; Bản án phúc thẩm số 14/2012/HSPT ngày 21 tháng 02 năm 2012 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xử phạt bị cáo Lưu Văn H 03 năm 06 tháng tù về tội Cướp tài sản (đã được xóa án tích); bị cáo bị tạm giữ từ ngày 24 tháng 12 năm 2018, chuyển tạm giam từ ngày 28 tháng 12 năm 2018; được thay thế biện pháp cho bảo lĩnh ngày 31 tháng 01 năm 2019, có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Lưu Văn H: Ông Nguyễn Văn T là luật sư của Văn phòng Luật sư G Đoàn Luật sư thành phố Hải Phòng, có mặt.

Các bị cáo bị kháng cáo:

1. Nguyễn Việt A, sinh ngày 05 tháng 12 năm 2001 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn N, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: Lớp 7/12; dân tộc: Kinh, tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn T A (đã chết) và bà Nguyễn Thị Kim U; tiền án, tiền sự: Không; chưa có vợ con; bị tạm giữ từ ngày 24 tháng 12 năm 2018, chuyển tạm giam từ ngày 28 tháng 12 năm 2018, có mặt.

2. Nguyễn Hải L, sinh năm 1999 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn D, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh, tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H và bà Bùi Thị Thùy D; chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo ra đầu thú và bị tạm giữ từ ngày 24 tháng 12 năm 2018, chuyển tạm giam từ ngày 28 tháng 12 năm 2018, có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Việt A:* Bà Dương Thanh H là Trợ giúp viên pháp lý của T tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước Hải Phòng, có mặt.

- *Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Việt A:* Chị Nguyễn Thị Thùy T; địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng (chị gái bị cáo), có mặt.

- *Đại diện Đoàn thanh niên xã T nơi Nguyễn Việt A đang sinh hoạt:* Ông Nguyễn Văn Đồng - Phó Bí thư Đoàn xã T, có mặt.

- *Bị hại:* Anh H Văn T (đã chết). Người đại diện hợp pháp của anh H Văn T có kháng cáo: Ông H Văn T (bố đẻ bị hại), địa chỉ: Thôn B, xã B, huyện A, thành phố Hải Phòng, có mặt.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại:* Bà Lê Thị Thúy H là Luật sư của Công ty Luật TNHH D thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội, có mặt.

- *Người làm chứng:*

+ Anh Nguyễn Thành B, sinh năm 2001; có mặt.

+ Các anh Nguyễn Thành Buy, Trần Hữu P, Đỗ T K, Lê Trác C, Lê Văn N, Nguyễn D H, Lê Quang D, Nguyễn D N, Lê Văn H và Vũ Đức A; đều vắng mặt,

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ, ngày 22 tháng 12 năm 2018, tại khu vực cửa nhà hàng H, đường H, Q, HB, Hải Phòng xảy ra to tiếng, cãi nhau giữa nhóm thanh niên gồm: H Văn T, sinh năm 2003, trú quán: Thôn 1, xã B, huyện A, Hải Phòng; Trần Hữu P, sinh năm 2004, trú quán: Thôn 4, xã B, huyện A, Hải Phòng và Lê Trác D, sinh năm 2005, trú quán: Thôn 4, xã B, huyện A, Hải Phòng với nhóm nhân viên của

nhà hàng H gồm: Đỗ T K, sinh năm 2004, trú quán: Thôn B, xã K, huyện T, Hải Phòng và Vũ Văn Q, sinh năm 2002, trú quán: thôn L 2, xã AH, huyện A, Hải Phòng. Nguyên nhân là do T đi xe máy qua nhà hàng H nẹt bô phát ra tiếng kêu to. Sau đó, K và Q đi xe máy đuổi theo đánh T nhưng không xảy ra Thương tích gì. T về nói chuyện và nhờ Lê Văn N, sinh năm 2000, trú quán: thôn 1, B, A, Hải Phòng giải quyết, sau đó Nghĩa gọi điện cho Trần Văn D, sinh năm 2004, trú quán: thôn C, N, A, Hải Phòng hẹn nhau hôm sau đi sang nhà hàng H tìm gặp K và Q.

Chiều ngày 23 tháng 12 năm 2018, K nhắn tin cho T hẹn buổi tối ra cầu vượt Q để đánh nhau. Khoảng 20 giờ 30 phút, ngày 23 tháng 12 năm 2018, T đi xe máy chở Nghĩa và Lê Trác C, sinh năm 2005, trú quán: Thôn 5, B, A, Hải Phòng; Trần Văn D mang theo 01 thanh kiếm tự chế dài khoảng 50cm, một lưỡi sắc, giấu trong tay áo bên trái và đi xe máy chở H Văn T, sinh năm 2000, trú quán: Thôn B, xã B, A, Hải Phòng; Mai Ích T, sinh năm 2002, trú quán: Thôn 1, B, A, Hải Phòng đi xe máy chở Lê Quang D, sinh năm 2003, trú quán: Thôn 6, B, A, Hải Phòng và Ngô D H, sinh năm 2000 trú quán: Thôn 2, B, A, Hải Phòng; Nguyễn D N, sinh năm 2002, trú quán: Thôn 2, B, A, Hải Phòng đi xe máy chở Trần Hữu P, sinh năm 2004, trú quán: thôn 4, B, A, Hải Phòng mang theo gậy rút, đao, kiếm tự chế đến nhà hàng H để gặp nhóm K, Q. Khi đến cửa nhà hàng H thì Trần Văn D chửi bới, dùng kiếm đe dọa nhóm K, Q và hẹn bọn Q lên cầu vượt Q để đánh nhau.

Sau đó Nghĩa, T, Chiến, H, D, T đi xe máy về Thôn B, B, A, Hải Phòng đứng đợi. D, T, N, P đi xe máy đến nhà Nguyễn Thành B ở thôn N, HP, A, Hải Phòng để lấy thêm dao, kiếm và rủ B đi đánh nhau. B đồng ý và đưa cho T 01 thanh đao, 01 thanh kiếm. Sau đó, D vẫn để thanh kiếm trong ống tay áo bên trái và điều khiển xe máy chở B ngồi giữa, T ngồi sau cùng quay lại nhà hàng H.

Nhóm của Q, K sau khi bị D đe dọa và rủ đánh nhau thì Q nhờ Nguyễn Hải L, ra nói chuyện. L gọi điện cho Lưu Văn H, và Nguyễn Việt A đến giúp đỡ, đồng thời mang 01 két vỏ chai bia Sài Gòn ra cửa nhà hàng H chờ. Một lúc sau H điều khiển xe ô tô biển số 15A - 330.76 chở Việt A đến cùng L lên xe ô tô lên cầu vượt Q để tìm nhóm của D nhưng không thấy nên quay lại đỗ ở trước cửa nhà hàng H, L bê 01 két vỏ chai bia lên xe ô tô của H cùng chờ đợi.

Khoảng 21 giờ ngày 23 tháng 12 năm 2018, D điều khiển xe máy chở B, T; P điều khiển xe máy chở N đi trên Quốc lộ 10 theo chiều TB - Quảng Ninh đến nhà hàng H. Khi qua cầu vượt Q thấy nhóm bên kia đông người hơn nên D vòng xe quay lại bỏ chạy về phía TB; P vòng xe quay lại chạy về phía ngã tư LT. Khi thấy nhóm của D trên dốc cầu, K hô "Chúng nó kìa, chúng nó kìa". H điều khiển xe ô tô chở Việt A ngồi ghế phụ cầm theo gậy bóng chày và L ngồi phía sau đuổi theo; K đi xe máy chở Q; Mai Nhân Đ là nhân viên nhà hàng H lấy xe của Q đi một mình đuổi theo; Vũ Đức A, sinh năm 2002, ở Lê Lạc 2, AH, A, Hải Phòng điều khiển xe máy chở Nguyễn Văn T, sinh năm 2002, trú quán: Thôn KT, xã HT,

huyện A, Hải Phòng; một nhân viên nhà hàng H (chưa rõ lai lịch) điều khiển xe máy chở Phạm Thành T; Phạm Văn H, sinh năm 2002, trú quán: Thôn Thuân Ty, xã AH, huyện A, Hải Phòng điều khiển xe máy chở Thái (chưa rõ lai lịch) đuổi theo bọn D.

D vừa điều khiển xe chạy hết chân cầu Q thì dùng tay phải rút thanh kiếm trong ống tay áo trái ra vứt đi thì bị lưỡi kiếm cứa vào vùng gan bàn tay phải gây Thương tích. Đến đoạn đối diện cây xăng Bắc Hà thuộc thôn 1, xã B, huyện A thì H lái xe ô tô vượt lên ép xe máy do D điều khiển vào lề đường bên phải. L và Việt A hạ kính xe ô tô xuông hô "dừng xe lại" nhưng D không dừng. L lấy 02 vỏ chai bia ném về phía D nhưng không trúng; Việt A ngồi ở ghế phụ, tay phải cầm gậy bóng chày nhoài người qua cửa kính định vụt thì H nói "đừng vụt, nó bị làm sao thì sao" nhưng Việt A vẫn vụt 01 nhát trúng vào gáy B làm xe máy của D loạng choạng đổ xuống đường. T bị ngã văng xuống cống thủy lợi còn D và B ngã xuống lề đường bị Thương tích. Ngay lúc đó, K, Q, T, Đạt, Vũ Đức A đi xe máy đuổi kịp, thấy D bị ngã, cả bọn xông vào dùng chân đá D nhưng không gây nên Thương tích gì, rồi bỏ đi. H lái xe ô tô chạy thẳng lên phía trước khoảng 1 km rồi vòng lại đứng bên kia giải phân cách nhìn sang thấy không còn ai ở đó nên cũng bỏ đi.

Sau đó D được đưa đi điều trị Thương tích, B gọi điện thoại cho T không được thì nghĩ T đã bỏ chạy thoát nên về cổng nhà T ngồi đợi rồi được bạn đưa đi điều trị Thương tích. Đến 12 giờ 05 phút, ngày 24 tháng 12 năm 2018, chị Đỗ Thị N, sinh năm 1984, trú tại: thôn 1, xã B, huyện A, Hải Phòng phát hiện T chết dưới cống thủy lợi đã trình báo Công an xã B.

Tại Bản kết luận giám định số 273 ngày 15 tháng 01 năm 2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hải Phòng kết luận nguyên nhân chết của H Văn T: *"Nạn nhân chết do hít nước vào đường hô hấp ".*

Tại Bản kết luận giám định số 687 ngày 03 tháng 01 năm 2019 của T tâm pháp y Hải Phòng kêt luận Thương tích của Trân Văn D:*"Nạn nhân bị 02 vết thương vùng trán đỉnh phải, trán phải, xây xước da vùng trán trái không đủ tiêu chuẩn ảnh hưởng thẩm mỹ và vết thương vùng gan bàn tay phải gây đứt gân cơ gấp cổ tay quay được điều trị đang dần ổn định còn ảnh hưởng vận động khớp cổ tay phải. Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của nạn nhân do vết thương vùng trán đỉnh phải gây nên là 02%. Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của nạn nhân do vết thương vùng trán phải gây nên là: 03%. Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của nạn nhân do vết thương gan bàn tay phải gây đứt gân cơ còn ảnh hưởng vận động khớp cổ tay phải gây nên là 11%. Tổng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của nạn nhân do các vết thươnghương tích trên gây nên theo phương pháp cộng lùi và làm tròn số là 15%. Vết thương vùng trán đỉnh phải có đặc điểm do vật tày có góc cạnh cứng tác động trực tiếp gây nên, vết thương vùng trán phải và gan bàn tay phải có*

đặc điểm do vật sắc hoặc tương đối sắc tác động trực tiếp gây nên, vết thương xước da vùng trán trái có đặc điểm do tác động tương hỗ với vật tày gây nên".

Tại Bản kết luận giám định số 686 ngày 03 tháng 01 năm 2019 của T tâm pháp y Hải Phòng kết luận Thương tích của Nguyễn Thành B: *"Nạn nhân bị vết thương phần mềm vùng đỉnh chẩm và hố chậu phải, vết xây xước da vùng trán, sống mũi và mặt trước 1/3 dưới cẳng tay phải không ảnh hưởng chức năng đã được điều trị đang dần ổn định. Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của nạn nhân do vết thương vùng đỉnh chẩm gây nên là 02%. Tỷ lệ phần trăm tôn T cơ thể của nạn nhân do vết thương vùng hố chậu phải gây nên là 02%. Tổng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của nạn nhân do các vết thươnghương tích trên gây nên theo phương pháp cộng lùi và làm tròn số là 04%. Vết thương vùng đỉnh chẩm cỏ đặc điểm do vật tày tác động trực tiếp gây nên. Vết thương vùng hố chậu phải có đặc điểm do vật có cạnh sắc hoặc tương đối sắc tác động trực tiếp gây nên. Các vết xây xước da vùng mặt, cẳng tay phải có đặc điểm do tác động tương hỗ với vật tày gây nên".*

Tại Bản kết luận giám định dấu vết cơ học số 06 ngày 21 tháng 01 năm 2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hải Phòng kết luận: *"Không phát hiện thấy dấu vết va chạm giữa xe ô tô biển số 15A-330.76 và xe mô tô biển số 15AA-073.64".*

Gia đình các bị cáo đã thỏa thuận bồi thường cho gia đình bị hại 200 triệu đồng, đại diện gia đình bị hại có đơn xin giảm trách nhiệm hình sự cho các bị cáo.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 39/2019/HS-ST ngày 01 tháng 7 năm 2019, Tòa án nhân dân huyện A đã quyết định:

"*Căn cứ vào điểm a khoản 4 Điều 134, điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Điều 38, Điều 58, Điều 91, Điều 101 Bộ luật Hình sự, xử phạt Nguyên Việt A 05 (năm) năm 03 (ba) tháng tù về tội "Cố ý gây Thương tích". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 24/12/2018.*

Căn cứ vào điểm a khoản 4 Điều 134, điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều, 38 Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt Nguyễn Hải L 07 (bảy) năm tù vê tội "Cố ý gây Thương tích". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 24/12/2018.

Căn cứ vào điểm a khoản 4 Điều 134, điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt Lưu Văn H 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù vê tội "Cố y gây Thương tích". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày băt giam thi hành án, được trừ những ngày tạm giữ, tạm giam (từ 24/12/2018 đến 31/01/2019)".

Ngoài ra, bản án còn quyết định về mức hình phạt của các bị cáo khác về tội "Gây rối trật tự công cộng", xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo của những người có quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 02 tháng 7 năm 2019, Ông H Văn T là bố đẻ của bị hại H Văn T đã gửi Đơn kháng cáo bản án nêu trên yêu cầu:

+ Chuyển tội danh của các bị cáo Nguyễn Việt A, Lưu Văn H, Nguyễn Hải L từ tội "Cố ý gây Thương tích" theo điểm a khoản 4 Điều 134 Bộ luật Hình sự sang tội "Giết người" theo quy định tại Điều 123 Bộ luật Hình sự.

+ Tăng hình phạt đối với các bị cáo Nguyễn Việt A, Lưu Văn H, Nguyễn Hải L.

+ Bồi thường về tổn thươnghất tinh thần cho gia đình ông.

Ngày 11 tháng 7 năm 2019, bị cáo Lưu Văn H có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

- Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

+ Người đại diện hợp pháp của bị hại cho rằng ông bị sốc vì mất đứa con trai D nhất, nên tất cả ý kiến của ông trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm được đưa ra trong trạng thái tinh thần không minh mẫn. Đề nghị cấp phúc thẩm không chấp nhận lời khai của Trần Văn D tại giai đoạn sơ thẩm; đề nghị triệu tập D đến phiên tòa phúc thẩm. Theo ông, con trai ông đã bị các bị cáo đánh và ném xuống cống gây tử vong.

+ Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại cho rằng án sơ thẩm kết luận bị hại bị ngã văng xuống cống thủy lợi và bị chết ngạt khi mực nước chỉ có 26 cm là không có cơ sở; các bị cáo buộc phải biết việc cầm gậy vụt vào đầu người đi xe máy khi họ không đội mũ bảo hiểm rất dễ gây tử vong nhưng vẫn thực hiện, nên khi hậu quả chết người xảy ra thì phải chịu trách nhiệm về tội giết người. Cơ quan điều tra chưa tiến hành thực nghiệm hiện trường để xác định rõ bị hại rơi xuống cống như thế nào là chưa làm hết trách nhiệm; lời khai của các bị cáo và nhân chứng, đặc biệt là lời khai của Trần Văn D có nhiều điểm không hợp lý và mâu thuẫn nhưng chưa được đối chất, làm rõ; bị cáo L rủ bị cáo Việt A chưa đủ 18 tuổi đi đánh nhau nên phải chịu thêm tình tiết tăng nặng "xúi giục người chưa thành niên phạm tội"; việc bồi thường cho bị hại là chưa thỏa đáng, đề nghị Tòa án chấp nhận kháng cáo của bị hại về tội danh và hình phạt, đồng thời buộc các bị cáo bồi thường thêm cho gia đình bị hại 47 triệu đồng.

+ Những người bào chữa cho các bị cáo cho rằng án sơ thẩm kết luận các bị cáo phạm tội cố ý gây Thương tích dẫn đến chết người là có căn cứ, vì: Sau khi ép xe máy chở bị hại ngã các bị cáo rời khỏi hiện trường, do trời tối nên không phát

hiện bị hại rơi xuống cống; các bị cáo không có mục đích giết bị hại, hậu quả chết người xảy ra nằm ngoài ý thức chủ quan của các bị cáo. Lời khai của các bị cáo và nhân chứng không mâu thuẫn, đều phù hợp với nhau và phù hợp với tình tiết của vụ án. Hiện trường vụ án đã được Cơ quan điều tra mô tả chi tiết, chụp ảnh lưu hồ sơ đầy đủ nên không cần thực nghiệm điều tra dựng lại hiện trường. Suốt quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm phía gia đình bị hại đều không có ý kiến gì về tội danh, mức bồi thường dân sự như đã thỏa thuận cũng như các lời khai của các bị cáo; có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo. Đề nghị giảm hình phạt cho các bị cáo.

+ Người bào chữa cho bị cáo H trình bày thêm: Phía bị hại yêu cầu kháng cáo về tội yêu cầu xét xử các bị cáo về "giết người", nên chỉ xem xét tăng hình phạt khi kết tội bị cáo về tội "giết người"; không thể tăng hình phạt khi kết tội "Cố ý gây Thương tích" đối với các bị cáo. Mặt khác, việc bồi thường dân sự đã được các bên thỏa thuận xong từ cấp sơ thẩm nên cấp phúc thẩm không có quyền giải quyết nếu không có sự thỏa thuận của các bên. Bị cáo H có vai trò thấp hơn hai bị cáo còn lại, được H nhiều tình tiết giảm nhẹ; là lao động chính trong gia đình. Đề nghị bác các yêu cầu kháng cáo của phía bị hại; chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giảm hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt..

Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên:

- Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội "Cố ý gây Thương tích" theo điểm a khoản 4 Điều 134 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật. Tài liệu, chứng cứ đã xem xét công khai tại phiên tòa thể hiện các bị cáo không có mục đích tước đoạt tính mạng của bị hại; các bị cáo cũng không buộc phải thấy trước hậu quả chết người khi thực hiện hành vi của mình. Do đó, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo về thay đổi tội danh của các bị cáo. Về vấn đề bồi thường dân sự đã được các bên thỏa thuận xong trước khi xét xử sơ thẩm, kết quả tranh tụng tại phiên tòa sơ thẩm phía bị hại không có yêu cầu gì về vấn dề này nên Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét giải quyết. Như vậy, cấp phúc thẩm không có cơ sở để xem xét yêu cầu kháng cáo của gia đình bị hại về vấn đề này. Nếu gia đình bị hại cho rằng quyền lợi của mình bị xâm phạm thì có quyền khởi kiện vụ án dân sự khác đối với các bị cáo. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm phân hóa vai trò và quyết định hình phạt đối với các bị cáo là chưa tương xứng; chưa áp dụng thêm tình tiết tăng nặng "xúi giục người chưa thành niên phạm tội" đối với bị cáo L. Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của gia đình bị hại, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo để tăng hình phạt đối với các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Đơn kháng cáo của người đại diện hợp pháp của bị hại và của bị cáo Lưu Văn H nằm trong thời hạn luật định nên được Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét. Đối với việc các người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng họ đều có lời khai đầy đủ tại cơ quan điều tra; Trần Văn D là nhân chứng quan trọng nhưng cũng vắng mặt, xác minh tại gia đình thì mẹ đẻ của D cung cấp D đã bỏ đi khỏi nhà mặc dù biết được có giấy triệu tập của Tòa án. Do đó, Hội đồng xét xử không thể tiến hành dẫn giải được D và sẽ công bố tất cả lời khai của D tại phiên tòa là đã bảo đảm đúng thủ tục tố tụng.

- Xét kháng cáo của người đại diện hợp pháp của bị hại về tháy đối tội danh đối với các bị cáo:

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo giữ nguyên lời khai như tại giai đoạn sơ thẩm. Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của các bị cáo khác, người làm chứng và đặc biệt là lời khai của Trần Văn D và bị cáo Nguyễn Thành B tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với lời khai của bị hại và những người làm chứng, phù hợp với B bản khám nghiệm hiện trường, tử thi, khám nghiệm phương tiện, phù hợp với bản Kết luận giám định pháp y số 273 ngày 15 tháng 01 năm 2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hải Phòng kết luận nguyên nhân chết của H Văn T; phù hợp Bản kết luận giám định số 687 ngày 03 tháng 01 năm 2019 của T tâm pháp y Hải Phòng kết luận Thương tích của Trần Văn D; kết luận giám định dấu vết cơ học; vật chứng thu giữ và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án; cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét công khai tại phiên tòa. Do đó, đã đủ cơ sở kết luận: Các bị cáo đã có hành vi sử dụng xe ô tô đuổi ép xe mô tô do Trần Văn D điều khiển chở Nguyễn Thành B và H Văn T, Nguyễn Hải L đã dùng vỏ chai bia ném về phía xe của D, Nguyễn Việt A dùng gậy bóng chày vụt trúng gáy B làm xe mô tô đổ nghiêng bên phải trượt trên trên đường. Hậu quả H Văn T bị rơi xuống cống thủy lợi, Nguyễn Thành B, Trần Văn D bị ngã nằm trên lề đường và bị nhóm đi xe máy đuổi phía sau gồm K, Q, T, Đạt, Đức Anh xông vào đánh D gây Thương tích. Do trời tối và sự việc hỗn loạn nên không ai phát hiện việc T bị văng xuống cống.

[3] Quan điểm của phía bị hại cho rằng các bị cáo đã phạm tội "Giết người" là không có căn cứ, bởi lẽ: Các bị cáo đuổi theo bị hại là có mục đích gây Thương tích cho người bị hại, không nhằm mục đích giết người; khi Việt A định dùng gậy vụt nhóm của D thì H đã có lời nói "đừng vụt nhỡ nó bị làm sao"; thực tế thì Việt A vụt không mạnh nên B không bị T; các bị cáo đã rời khỏi hiện trường mà không hề biết bị hại đã văng xuống cống, ngay cả B cũng nghĩ T đã chạy thoát nên sau khi gọi điện thoại không được đã về cổng nhà T ngồi chờ. Như vậy, hậu quả chết người xảy ra nằm ngoài ý thức chủ quan của các bị cáo. Ý kiến của Giám định viên tại phiên tòa phúc thẩm cũng khẳng định bị hại chết do ngạt nước, không có

Thương tích khác gây ra sự chết hoặc làm nạn nhân choáng, ngất trước khi rơi xuống cống; nếu nạn nhân ngã cắm đầu xuống cống thì dễ tử vong do bị sốc do hít nước và bùn vào phổi. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội "Cố ý gây Thương tích" theo điểm a khoản 4 Điều 134 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Hiện trường đã được Cơ quan điều tra mô tả chi tiết, chụp ảnh lưu hồ sơ đầy đủ; tài liệu, chứng cứ thu thập được đã đủ căn cứ chứng minh các tình tiết của vụ án nên không cần thiết phải thực nghiệm điều tra dựng lại. Quan điểm của phía bị hại cho rằng khi bị đổ xe rất khó để người ngồi trên văng xa 03 m rơi xuống cống. Xét các dấu vết để lại hiện trường thể hiện chiếc xe mô tô chở bị hại khi bị đổ đã trượt hơn 03 m, va chạm làm lõm cây cột thép cách mép bờ mương khoảng gần 01 m, vỡ một chậu hoa bằng xi măng đặt cạnh bờ cống, chứng tỏ lực va rất mạnh, nên bị hại ngồi sau cùng bị ngã văng xuống cống thủy lợi là có thể xảy ra.

[5] Về nguyên nhân và cơ chế gây ra cái chết của bị hại đã được Giám định viên giải thích rõ tại phiên tòa, phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác. Lời khai của các bị cáo và nhân chứng ban đầu có nhiều điểm mâu thuẫn nhưng quá trình điều tra và tại phiên tòa họ đã khai lại nhiều lần, đều phù hợp với nhau và phù hợp với tình tiết của vụ án. Mặt khác, trong suốt quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm phía gia đình bị hại đều nhất trí với lời khai của các bị cáo, không có khiếu nại gì; hai bên đã thỏa thuận xong về phần dân sự và gia đình bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo. Do đó, việc ông H Văn T thay đổi quan điểm cho rằng lời khai trước đó của mình không minh mẫn là không có cơ sở. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy không có căn cứ chấp nhận yêu cầu điều tra bổ sung để thay đổi tội danh đối với các bị cáo về tội "Giết người" như ý kiến của phía bị hại.

- Xét kháng cáo của người đại diện hợp pháp của bị hại về tăng hình phạt đối với các bị cáo:

[6] *Về tình tiết tăng nặng:* Các bị cáo Lưu Văn H và Nguyễn Việt A phạm tội không có tình tiết tăng nặng. Riêng Nguyễn Hải L là người giọi điện thoại rủ Nguyễn Việt A tham gia đánh nhau khi biết rõ Việt A chưa đủ 18 tuổi nên phải chịu tình tiết tăng nặng "xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội" theo điểm o khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[7] *Về tình tiết giảm nhẹ trách hiệm hình sự:* Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo và đã bồi thường đầy đủ theo yêu cầu của người bị hại từ giai đoạn sơ thẩm nên được H tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Ngoài ra các bị cáo còn được H thêm tình tiết giảm nhẹ khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự là

người bị hại cũng có lỗi vì đã cùng đồng bọn mang đao kiếm đến tìm nhóm của các bị cáo chửi bới, thách thức đánh nhau; *sau khi phạm tội đã cùng ra đầu thú*.

[8] *Về đánh giá vai trò của từng bị cáo:* Căn cứ Điều 17 Bộ luật Hình sự, đây là vụ án đồng phạm giản đơn nên cần đánh giá vai trò của từng bị cáo: Bị cáo Nguyễn Việt A là người dùng gậy vụt trúng đầu làm B dúi đầu vào D gây mất thăng bằng làm đổ xe, quyết định đến việc H Văn T bị văng xuống cống tử vong giữ vai trò thứ nhất. Bị cáo Nguyễn Hải L là người gọi H và Việt A đi đánh nhau, sau đó trực tiếp dùng vỏ chai bia ném về phía xe máy của D giữ vai trò thứ hai. Bị cáo H không trực tiếp cầm hung khí đánh nhau nhưng dùng ô tô của mình chở L và Việt A mang theo hung khí đuổi theo nhóm của D, khi Việt A định dùng gậy vụt nhóm của D, H đã có lời nói can ngăn nhưng vẫn tiếp tục điều khiển xe ô tô ép xe máy là chung ý chí với các đồng phạm; giữ vai trò thấp hơn hai đồng phạm. Bản án sơ thẩm nhận định vai trò của 3 bị cáo ngang nhau là chưa phù hợp.

[9] *Về việc quyết định hình phạt*:

Bị cáo H có nhân thân xấu, 01 lần bị kết án về tội *Cướp tài sản* (khi phạm tội khi chưa đủ 16 tuổi nên không tính để xác định tái phạm, tái phạm nguy hiểm) và 01 tiền sự hủy hoại tài sản; bị cáo L và Việt A cùng có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự nhưng Việt A phạm tội khi mới 17 tuổi 17 ngày nên chỉ phải chịu mức hình phạt không quá ¾ mức của người đủ 18 tuổi.

Xét hoàn cảnh các bị cáo Việt A bố đã chết, mẹ đi cải tạo, hiện đang ở với chị gái sinh năm 1996 nhưng đã cố gắng cùng các bị cáo khác bồi thường thiệt hại cho người bị hại; bị cáo H đã bồi thường 110 triệu đồng cho gia đình bị hại, hiện là lao động chính và có vợ đang mang thai tháng thứ 8; vụ việc xô xát xảy có lỗi của cả hai bên. Tại giai đoạn sơ thẩm đại diện hợp pháp cho bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, nhưng việc áp dụng mức án như trên là hơi nhẹ, chưa tương xứng với vai trò, tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của từng bị cáo. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu kháng cáo tăng hình phạt của đại diện hợp pháp của người bị hại đối các bị cáo là thỏa đáng.

Căn cứ Điều 58, Điều 101 Bộ luật Hình sự và nhận định từ mục [6] đến mục [9]; hình phạt áp dụng với L và H phải ngang nhau; Việt A có vai trò cao hơn nhưng chỉ phải chịu mức án thấp hơn.

[10] *Xét kháng cáo của người đại diện hợp pháp của bị hại về tăng tăng tiền bồi thường thiệt hại:* Xét thấy, tại giai đoạn sơ thẩm các bị cáo đã thỏa thuận bồi thường 200 triệu đồng cho gia đình bị hại là tự nguyện, phù hợp với qui định của pháp luật. Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện của người bị hại không yêu cầu bồi thường thêm về dân sự nên bản án sơ thẩm không xét đến vấn đề này. Do đó, Tòa án cấp phúc thẩm không có cơ sở để giải quyết. Nếu phía bị hại cho rằng việc bồi

thường dân sự là không thỏa đáng thì có quyền khởi kiện vụ án dân sự khác đối với các bị cáo.

[11] *Xét kháng cáo của bị cáo Lưu Văn H về giảm hình phạt:* Căn cứ nhận định tại mục [9], Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo giảm hình phạt của bị cáo Lưu Văn H.

[12] *Về án phí phúc thẩm:* Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo Lưu Văn H phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Đại diện người bị hại được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

[13] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự; chấp nhận một phần kháng cáo của người đại diện hợp pháp của bị hại, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo; sửa bản án sơ thẩm đối với các bị cáo:

1.1. Căn cứ vào điểm a khoản 4 Điều 134, các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt Lưu Văn H 08 (tám) năm tù về tội "Cố ý gây Thương tích". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án, được tính trừ những ngày đã bị tạm giữ, tạm giam (từ 24 tháng 12 năm 2018 đến 31 tháng 01 năm 2019).

1.2. Căn cứ vào điểm a khoản 4 Điều 134, các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Điều 38, Điều 58, Điều 91, Điều 101 Bộ luật Hình sự, xử phạt Nguyễn Việt A 05 (năm) năm 9 (chín) tháng tù về tội "Cố ý gây Thương tích". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 24 tháng 12 năm 2018.

1.3. Căn cứ vào điểm a khoản 4 Điều 134, điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều, 38 Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt Nguyễn Hải L 08 (tám) năm tù về tội "Cố ý gây Thương tích". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 24 tháng 12 năm 2018.

2. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo Lưu Văn H phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của Bản án số 28/2019/HS-ST ngày 16 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Về quyền yêu cầu thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND TPHP;
- Cơ quan THAHS huyện A;
- Công an huyện A;
- VKSND huyện A;
- TAND huyện A;
- Vụ Giám đốc kiểm tra 1 TANDTC;
- PV27 Công an TPHP;
- Sở Tư pháp TPHP;
- Bị cáo;
- Lưu: HS, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Đặng Minh Hạnh